

Bản án số: 124/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Vững

Ông Nguyễn Minh Chí

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 378/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Mỹ N, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Long An, xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Châu Nhật T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Ngô Thị Mỹ N trình bày:

Bà Ngô Thị Mỹ N và ông Châu N1 T quen biết và đi đến hôn nhân năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2017 ngày 17/4/2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung nhà với gia đình bà N ở xã T, huyện C, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cũng được hai năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống thì hai bên đều khó giải quyết được, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông T cũng nhiều lần bỏ đi về nhà mẹ ruột sinh sống và yêu cầu ly hôn.

Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, xét thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không hòa giải được nên bà N yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: có 02 con chung tên Châu Nhựt Gia H, sinh ngày 06/9/2017 và Châu Ngọc Diễm K, sinh ngày 19/7/2021. Hiện nay con chung do bà N chăm sóc nuôi dưỡng nên sau khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, bị đơn ông Châu Nhựt T mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và quan hệ tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt: Bà Ngô Thị Mỹ N có đơn xin vắng mặt, ông Châu Nhựt T vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Ngô Thị Mỹ N và ông Châu Nhựt T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã Đ, huyện C, tỉnh Long An vào năm 2017, đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết có tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà N vẫn kiên quyết ly hôn và ông T không đến tham gia hòa giải.

Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, do đó căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*, xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Mỹ N với ông Châu Nhựt T.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà N và ông T có 02 con chung tên Châu Nhựt Gia H, sinh ngày 06/9/2017 và Châu Ngọc Diễm K, sinh ngày 19/7/2021, bà N yêu cầu nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy, ông T không gửi văn bản phản đối với yêu cầu của bà N, mặt khác các con chung hiện do bà N nuôi dưỡng có cuộc sống ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử giao con

chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Bà Ngô Thị Mỹ N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 29, 51, 53, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị Mỹ N về việc xin ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Mỹ N được ly hôn với ông Châu Nhựt T.

Về con chung: Giao cho bà Ngô Thị Mỹ N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Châu Nhựt Gia H, sinh ngày 06/9/2017 và Châu Ngọc Diễm K, sinh ngày 19/7/2021. Ông Châu Nhựt T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị Mỹ N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0013058 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
- Lưu hồ sơ, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Thảo